

THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO VÀ TỶ LỆ KHẤU HAO ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 36 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Tên tài sản	Số Lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị (đồng)	Thời gian sử dụng (Năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Tỷ lệ phân bổ mức tính hao mòn/trích khấu hao	
							Mức tính hao mòn (%)	Mức trích Khấu hao (%)
	Tổng cộng			93.844.139.000				
1	Công trình Nâng cấp, mở rộng cụm công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Ninh, xã Quý Quân, xã Lục Hành, huyện Yên Sơn	1	2021	4.364.775.000	20	5	50	50
2	Công trình Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	1	2021	13.113.218.000	20	5	50	50
3	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa (nay thuộc huyện Lâm Bình)	1	2022	14.928.693.000	20	5	50	50
4	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	1	2023	22.939.565.000	20	5	50	50
5	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn An Nghĩa, xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	1	2022	3.376.899.000	20	5	50	50
6	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	1	2023	4.213.363.000	20	5	50	50
7	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	1	2023	11.458.200.000	20	5	50	50
8	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Kiến Thiết và thôn Đồng Cầu, Bình Ca 2, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	1	2023	9.144.401.000	20	5	50	50
9	Công trình Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	1	2023	6.518.088.000	20	5	50	50
10	Công trình Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	1	2023	3.786.937.000	20	5	50	50